

Số: 782 /TB-VPUB

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản công

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Văn phòng UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm bán thanh lý tài sản công.

Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tên tài sản thực hiện bán, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 28 loại tài sản đã có quyết định phê duyệt giá khởi điểm với tổng giá khởi điểm là **12.250.000 đồng** (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Tổ chức đấu giá tài sản được đánh giá, chấm điểm dựa theo các nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 3, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

a) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với các tài sản thực hiện bán (có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên);

b) Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả: Tổ chức đấu giá tài sản phải xây dựng phương án đấu giá tài sản chi tiết phù hợp với tài sản đưa ra đấu giá;

c) Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản:

- Số lượng đấu giá viên: tối thiểu 4 đấu giá viên có kinh nghiệm;

- Thời gian hoạt động: tối thiểu 05 năm hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản.

d) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

đ) Là tổ chức có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

e) Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

(Có bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản kèm theo)

4. Hồ sơ đăng ký:

- Văn bản đề nghị tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
- Hồ sơ pháp lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá của tổ chức đấu giá.
- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản
- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp
- Các tài liệu khác kèm theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm của tổ chức đấu giá tài sản.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia tổ chức đấu giá.

- Thời gian: Từ ngày 20/12/2022 đến hết ngày 22/12/2022 (trong giờ hành chính).
- Địa điểm nộp hồ sơ: Tại Phòng Quản trị - Tài vụ, Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Hồ sơ có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện.

(Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị và Chứng minh nhân dân.

Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước 17h ngày kết thúc thông báo. Hồ sơ đã nộp không hoàn trả lại trong trường hợp không được lựa chọn).

6. Thông báo này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh và Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo VP;
- Công TTĐTQG về đấu giá tài sản;
- Trang TTĐT của VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QTTV.



Trần Trọng Chung

PHỤ LỤC
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, GIÁ KHỞI ĐIỂM THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

(Kèm theo Thông báo số 782/TB-VPUB ngày 19/12/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ thanh lý	ĐVT	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm hiện tại	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Giá trị còn lại	Giá khởi điểm thanh lý (đồng)	Ghi chú
1	Tủ điều hòa Carrier	Cái	1999	4	215.958.890	215.958.890	0	0	8.400.000	Tài sản
2	Máy điều hòa Carrier	Cái	1995	2	37.990.000	37.990.000	0	0	900.000	Tài sản
3	Ổn áp AST 150KVA	Cái	2004	1	59.854.000	59.854.000	0	0	1.500.000	Tài sản
4	Bình nóng lạnh	Cái	1995	2	2.200.000	2.200.000	0	0	100.000	CCDC
5	Bình nóng lạnh	Cái	1998	1	900.000	900.000	0	0	50.000	CCDC
6	Bình nóng lạnh	Cái	1997	1	1.520.000	1.520.000	0	0	50.000	CCDC
7	Bình nóng lạnh	Cái	1998	1	1.400.000	1.400.000	0	0	50.000	CCDC
8	Quạt trần	Cái	1998	1	380.000	380.000	0	0	20.000	CCDC
9	Quạt trần	Cái	1998	1	360.000	360.000	0	0	20.000	CCDC
10	Quạt trần	Cái	1998	3	1.500.000	1.500.000	0	0	60.000	CCDC
11	Quạt thông gió	Cái	1998	7	3.920.350	3.920.350	0	0	70.000	CCDC
12	Aptomat	Cái	2009	1	970.000	970.000	0	0	10.000	CCDC
13	Cột đèn cao áp	Cái	1996	2	9.600.000	9.600.000	0	0	1.000.000	CCDC
14	Tủ điện tổng	Cái	2009	1	947.000	947.000	0	0	20.000	CCDC
	Tổng cộng			28	337.500.240	337.500.240			12.250.000	



PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 782/TB-VPUB ngày 19/12/2022 của Văn phòng UBND tỉnh)

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả	6,0

	các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)	4,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (đã thực hiện hợp đồng với Văn phòng UBND tỉnh tổ chức đấu giá tài sản thành trong 3 năm trước liền kề)	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện